

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân đại học hệ chính quy tập trung khóa 9 (2013 – 2017) đợt 7 tháng 06 năm 2019 – Đào tạo tại Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Căn cứ biên bản họp ngày 19/06/2019 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân đại học cho **54** sinh viên hệ chính quy tập trung khóa 9 (2013 – 2017) đợt 7 tháng 06 năm 2019 đào tạo tại Hà Nội ngành Bảo hiểm, Công tác xã hội, Kế toán; Quản trị kinh doanh và Quản trị nhân lực, trong đó:

- Ngành Bảo hiểm: 13 sinh viên;
- Ngành Công tác xã hội: 08 sinh viên;
- Ngành Kế toán: 14 sinh viên;
- Ngành Quản trị kinh doanh: 04 sinh viên;
- Ngành Quản trị nhân lực: 15 sinh viên.

Có danh sách sinh viên cụ thể kèm theo./.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Giám đốc cơ sở Sơn Tây, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. QLĐT.



TS. Hà Xuân Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
ĐẠI HỌC KHÓA 9 (2013 - 2017) ĐỢT 7 THÁNG 6 NĂM 2019 - ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số: 1171/QĐ - ĐHLĐXH, ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Ngành: Bảo hiểm

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1109032622	Vũ Lê Diễm Hằng	Nữ	Đ9.BH11	31/12/1995	Hà Nội	2.96	Khá	
2	1109032628	Ngô Thị Minh Hồng	Nữ	Đ9.BH11	23/07/1995	Bắc Giang	2.28	Trung bình	
3	1109032692	Mai Thị Ngọc Huyền	Nữ	Đ9.BH12	09/08/1994	Hà Nội	2.43	Trung bình	
4	1109032738	Lê Thị Hương Giang	Nữ	Đ9.BH13	09/07/1995	Hải Dương	2.61	Khá	
5	1109032759	Nhữ Nhật Linh	Nữ	Đ9.BH13	01/01/1995	Hà Giang	2.31	Trung bình	
6	1109032043	Vũ Thị Thuý Hiền	Nữ	Đ9.BH2	17/10/1995	Vĩnh Phúc	2.22	Trung bình	
7	1109032102	Hoàng Hương Giang	Nữ	Đ9.BH3	17/09/1995	Hà Nội	2.38	Trung bình	
8	1109032105	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Đ9.BH3	28/01/1994	Hải Dương	2.2	Trung bình	
9	1109032212	Lương Thuý Trang	Nữ	Đ9.BH4	22/05/1995	Thanh Hoá	2.01	Trung bình	
10	1109032337	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	Đ9.BH6	02/09/1995	Phú Thọ	2.11	Trung bình	
11	1109032382	Hoàng Mỹ Linh	Nữ	Đ9.BH7	11/09/1995	Yên Bái	2.27	Trung bình	
12	1109032440	Cao Tuấn Định	Nam	Đ9.BH8	16/11/1995	Nam Định	2.05	Trung bình	
13	1109032521	Trần Khánh Ly	Nữ	Đ9.BH9	03/09/1995	Yên Bái	2.42	Trung bình	

Ngành: Công tác xã hội

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1109042793	Trần Thị Bích	Nữ	Đ9.CT1	27/05/1994	Nam Định	2.4	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
2	1109042833	Thân Thị Hương Sao	Nữ	Đ9.CT1	11/09/1995	Hà Nội	2.57	Khá	
3	1109042846	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Đ9.CT1	26/12/1995	Thái Bình	2.84	Khá	
4	1109042910	Nguyễn Thị Vân	Nữ	Đ9.CT2	15/03/1995	Hà Nội	2.59	Khá	
5	1109043000	Trần Lê Thảo Linh	Nữ	Đ9.CT4	12/12/1995	Hà Tĩnh	2.85	Khá	
6	1109043056	Vũ Diệu Linh	Nữ	Đ9.CT5	09/03/1995	Hà Nội	2.35	Trung bình	
7	1109043205	Phạm Thị Việt Trinh	Nữ	Đ9.CT7	10/12/1994	Thanh Hóa	2.84	Khá	
8	1109043257	Lê Yên Thư	Nữ	Đ9.CT8	02/04/1994	Thanh Hóa	2.42	Trung bình	

Ngành: Kế toán

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1109021059	Lê Kiều Ngân	Nữ	Đ9.KT1	29/11/1995	Hà Nội	2.18	Trung bình	
2	1109021078	Ngô Xuân Trường	Nam	Đ9.KT1	28/12/1995	Hà Nội	2.16	Trung bình	
3	1109021629	Dương Lễ Nghĩa	Nam	Đ9.KT10	25/10/1995	Thái Nguyên	2.02	Trung bình	
4	1109021845	Đỗ Thị Thảo Anh	Nữ	Đ9.KT15	28/01/1995	Bắc Giang	2.03	Trung bình	
5	1109021949	Hoàng Văn Vũ	Nam	Đ9.KT16	01/01/1994	Nam Định	2.57	Khá	
6	1109021088	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	Đ9.KT2	18/09/1995	Bắc Giang	2.21	Trung bình	
7	1109021098	Hoàng Mai Hồng	Nữ	Đ9.KT2	17/11/1995	Quảng Ninh	2.04	Trung bình	
8	1109021209	Nguyễn Thu Giang	Nữ	Đ9.KT4	10/12/1995	Hà Nội	2.03	Trung bình	
9	1109021238	Hoàng Văn Sơn	Nam	Đ9.KT4	29/10/1995	Nam Định	2.12	Trung bình	
10	1109021345	Nguyễn Bảo Linh	Nam	Đ9.KT6	08/05/1993	Bắc Giang	2.23	Trung bình	
11	1109021371	Đặng Văn Thắng	Nam	Đ9.KT6	07/10/1995	Sơn La	2.02	Trung bình	
12	1109021398	Lê Thu Hương	Nữ	Đ9.KT7	12/11/1995	Hà Nội	2.13	Trung bình	
13	1109010895	Hoàng Huyền Trang	Nữ	Đ9.KT2	30/09/1995	Nghệ An	2.9	Khá	
14	1109021456	Ngô Xuân Cường	Nam	Đ9.KT8	13/05/1994	Nghệ An	2.17	Trung bình	



Ngành: Quản trị kinh doanh

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1109053275	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	Đ9.QK1	27/04/1995	Hà Nội	2	Trung bình	
2	1109053295	Lê Thị Thuỳ Linh	Nữ	Đ9.QK1	19/06/1995	Hà Tĩnh	2.32	Trung bình	
3	1109053360	Vũ Văn Thuỷ	Nam	Đ9.QK2	27/11/1989	Hải Phòng	2.57	Khá	
4	1109053396	Thân Quang Liêm	Nam	Đ9.QK3	19/08/1994	Bắc Giang	2.19	Trung bình	

Ngành: Quản trị nhân lực

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	1109010014	Phạm Thị Hạnh	Nữ	Đ9.QL1	15/06/1995	Hưng Yên	2.34	Trung bình	
2	1109010064	Phạm Thị Trang	Nữ	Đ9.QL1	21/06/1994	Hà Tĩnh	2.78	Khá	
3	1109010831	Vũ Minh Phương	Nữ	Đ9.QL12	09/11/1995	Nam Định	2.18	Trung bình	
4	1109010834	Bùi Ngọc San	Nữ	Đ9.QL12	26/01/1995	Hà Nam	3.08	Khá	
5	1109010869	Nguyễn Văn Hiên	Nam	Đ9.QL13	10/02/1994	Hà Nội	2.92	Khá	
6	1109010121	Phương Thị Thu Thảo	Nữ	Đ9.QL2	06/12/1995	Hà Nội	2.03	Trung bình	
7	1109010135	Lê Thành Trung	Nam	Đ9.QL2	28/09/1995	Hà Nội	2.54	Khá	
8	1109010137	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	Đ9.QL2	18/03/1994	Quảng Ninh	2.08	Trung bình	
9	1109010164	Đỗ Thuỳ Linh	Nữ	Đ9.QL3	21/02/1994	Hà Nội	2.07	Trung bình	
10	1109010172	Đỗ Thế Nam	Nam	Đ9.QL3	08/11/1995	Hà Nội	2.03	Trung bình	
11	1109010314	Trần Thị Phương Hoa	Nữ	Đ9.QL5	25/11/1995	Tuyên Quang	2.8	Khá	
12	1109010423	Đỗ Mai Trang	Nữ	Đ9.QL6	13/11/1995	Hà Nội	2.51	Khá	
13	1109010556	Đào Thị Huyền Trang	Nữ	Đ9.QL8	14/04/1994	Sơn La	2.72	Khá	
14	1109010557	Nguyễn Đăng Trường	Nam	Đ9.QL8	14/02/1995	Hà Nội	2.23	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
15	1109010570	Trương Đức Anh	Nam	Đ9.QL9	10/09/1994	Tuyên Quang	2.03	Trung bình	

Danh sách này có 54 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Khá 17 sinh viên;
Trung bình 37 sinh viên.

